

Số: 1012/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ cát các bản Huổi Púng, Huổi Han và Pá Lung, xã Chiềng En, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Biên bản đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ cát bản Huổi Púng, Huổi Han và Pá Lung, xã Chiềng En, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La ngày 17/5/2024; Thông báo số 213/TB-ĐGTT ngày 17/5/2024 của Công ty đấu giá hợp danh Tiến Thành về kết quả đấu giá thành tài sản là quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ cát bản Huổi Púng, Huổi Han và Pá Lung, xã Chiềng En, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 297/TTr-STNMT ngày 20/5/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ

cát các bản Huồi Púng, Huồi Han và Pá Lung, xã Chiềng En, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La: vị trí, tọa độ, diện tích khu vực trúng đấu giá (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

**1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá:** Công ty cổ phần Minh Quang Tây Bắc.

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Công ty cổ phần; Mã số doanh nghiệp: 5500580277 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp; Đăng ký lần đầu ngày 08/3/2019; Đăng ký thay đổi lần 02 ngày 11/3/2024.

Địa chỉ: Bản Trại Giồng, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Điện thoại: 0979.630.678.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Đoàn Xuân Hiền; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

**2. Giá trúng đấu giá:**  $R = 8,2\%$  (*Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*).

**3. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá:** Trước khi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

**4. Diện tích:** 10,12ha, thuộc địa bàn huyện Sông Mã.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1. Công ty cổ phần Minh Quang Tây Bắc:** Nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La (*địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà 7 tầng, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Sơn La, Khu Quảng trường Tây Bắc, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La*) trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá (*trước ngày 17/11/2024*).

**2. Sở Tài nguyên và Môi trường**

2.1. Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình trình công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

2.2. Hướng dẫn, tiếp nhận và thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công thương, ✓



Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Sông Mã; Công ty cổ phần Minh Quang Tây Bắc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HS - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Hậu**




**Phụ lục:**

**VỊ TRÍ, TỌA ĐỘ DIỆN TÍCH MỎ CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
THÔNG THƯỜNG TẠI BẢN HUỖI PÚNG, HUỖI HAN VÀ PÁ LUNG,  
XÃ CHIỀNG EN, HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)*

Tên mỏ	Địa điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trực 104°00'; múi chiều 3°		Diện tích (ha)	Ghi chú
		X (m)	Y (m)		
Mỏ cát bản Huổi Púng, Huổi Han, Pá Lung	Xã Chiềng En, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	2348103.98	449811.43	10,12	Mỏ được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La
		2348087.52	449798.61		
		2348047.38	449868.77		
		2347967.49	449935.38		
		2347915.10	449961.94		
		2347740.18	449946.44		
		2347706.47	450010.04		
		2347681.67	450119.04		
		2347561.86	450258.28		
		2347516.17	450356.15		
		2347499.60	450438.17		
		2347392.05	450537.52		
		2347340.40	450666.21		
		2347298.33	450710.57		
		2347228.05	450729.11		
		2347184.98	450768.25		
		2347130.89	450757.61		
		2347074.05	450842.48		
		2347082.05	450891.37		
		2347068.11	450928.50		
		2347036.83	450970.73		
		2346955.41	451009.55		
		2346864.33	451127.78		
		2346794.96	451186.63		
		2346739.02	451263.04		
		2346554.97	451362.26		
		2346468.20	451366.66		
		2346385.11	451407.64		
2346306.88	451481.45				
2346325.80	451527.88				
2346500.10	451463.61				
2346781.40	451266.21				
2346859.29	451175.03				
2347002.36	451027.54				
2347023.29	451022.64				
2347089.06	450938.11				



Tên mỏ	Địa điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104 <sup>00'</sup> ; múi chiều 3 <sup>0</sup>		Diện tích (ha)	Ghi chú
		X (m)	Y (m)		
		2347098.30	450892.12		
		2347137.83	450831.59		
		2347228.56	450764.68		
		2347295.35	450741.51		
		2347362.46	450673.48		
		2347410.84	450557.00		
		2347523.04	450424.20		
		2347585.38	450290.50		
		2347619.60	450278.04		
		2347684.32	450183.04		
		2347719.95	450056.95		
		2347756.61	450030.70		
		2347813.98	450026.23		
		2347909.87	449998.06		
		2347981.91	449948.49		
		2348063.54	449876.54		